

Bản án số: 68/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26- 7- 2024

“V/v ly hôn, chia tài sản chung”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Trần Mộng Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Duyên

Ông Hà Minh Hằng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đoàn Minh Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** **Chị Nguyễn Thị Ngọc S**, sinh năm 2004 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2. **Bị đơn:** **Anh Nguyễn Khắc Đ**, sinh năm 2002 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại Tòa án của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc S:

Chị Nguyễn Thị Ngọc S và anh Nguyễn Khắc Đ qua quá trình tìm hiểu tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A vào ngày 09/10/2023. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không hòa hợp nhau. Chị S trình bày do anh Đ ghen tuông vô cớ, dùng lời

lẽ không hay xúc phạm mẹ vợ làm cho đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng đã được cha mẹ hai bên hoà giải, động viên nhưng không thành. Nay chị S nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc S xác định trong quá trình chung sống chị và anh Đ không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Chị Nguyễn Thị Ngọc S xác định chị và anh Nguyễn Khắc Đ có tài sản chung gồm: 10 chỉ vàng 24k và 02 chiếc nhẫn cưới vàng 18k. Trong quá trình chung sống chị đã xài hết 05 chỉ vàng 24k, việc tiêu xài không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh, còn đối với 02 chiếc nhẫn cưới vàng 18k thì chị giữ 01 chiếc và anh Đ giữ 01 chiếc. Chị đồng ý chia đôi số vàng còn lại là 05 chỉ vàng 24k, mỗi người nhận 2,5 chỉ vàng 24k.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc S xác định chị và anh Nguyễn Khắc Đ không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo đơn phân tố và lời trình bày tại Tòa án của bị đơn là anh Nguyễn Khắc Đ: Anh Đ thống nhất vợ chồng có mâu thuẫn trong hôn nhân, nhưng nguyên nhân mâu thuẫn không đúng như chị S đã trình bày. Vợ chồng chung sống không có con chung, có tài sản chung, không có nợ chung. Nay chị S có đơn ly hôn, anh Đ có ý kiến như sau: Anh Đ đồng ý ly hôn với chị S, về con chung: Không có con chung nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Khắc Đ yêu cầu chia đôi tài sản chung là số vàng cưới là 10 chỉ vàng 24k hiện nay chị S đang quản lý, mỗi người nhận 05 chỉ vàng 24k. Về nợ chung: Anh Nguyễn Khắc Đ xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc S có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến.

- Bị đơn anh Nguyễn Khắc Đ giữ nguyên ý kiến đã trình bày trước đây. Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý ly hôn với chị S; Về tài sản chung: Yêu cầu chia đôi 10 chỉ vàng 24k, mỗi người nhận 05 chỉ vàng 24k; Về con chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc S có đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Khắc Đ yêu cầu chia tài sản chung giữa anh và chị Nguyễn Thị Ngọc S. Bị đơn anh Nguyễn Khắc Đ cư trú tại ấp B, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là vụ kiện về việc “Ly hôn, chia tài sản chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc S có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất quyết định xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Ngọc S.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc S và anh Nguyễn Khắc Đ tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 134 ngày 09/10/2023 theo quy tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên xác định hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Chị Nguyễn Thị Ngọc S yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Khắc Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình hoà giải, Toà án đã tạo điều kiện để anh chị hàn gắn tiếp cuộc sống vợ chồng nhưng anh chị không hàn gắn được và thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc S và anh Nguyễn Khắc Đ xác định trong quá trình chung sống anh chị không có con chung nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc S và anh Nguyễn Khắc Đ xác định anh chị có tài sản chung gồm: 10 chỉ vàng 24k hiện nay chị S đang cất giữ và 02 chiếc nhẫn cưới vàng 18k, mỗi người đang giữ 01 chiếc. Anh Nguyễn Khắc Đ yêu cầu chia đôi tài sản chung là 10 chỉ vàng 24k, mỗi người nhận 05 chỉ vàng 24k. Chị S trình bày: Trong quá trình chung sống chị đã tự chi xài hết 05 chỉ vàng 24k, hiện nay chỉ còn 05 chỉ vàng 24k, chị đồng ý chia đôi số vàng còn là 05 chỉ vàng 24k, mỗi người nhận 2.5 chỉ vàng 24k.

Xét thấy, anh chị thống nhất xác định trong thời kỳ hôn nhân có tài sản chung gồm: 10 chỉ 24k và 02 chiếc nhẫn cưới vàng 18k (hiện nay mỗi người đang giữ 01 chiếc, không yêu cầu xem xét). Chị S cho rằng đã tự chi xài cá nhân hết 05 chỉ vàng 24k và tại bản tự khai của chị S tự xác định việc chi xài 05 chỉ vàng 24k không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh, đồng thời anh Đ không thừa nhận việc chị đã chi xài 05 chỉ vàng 24k nên việc chị tự chi xài là không có cơ sở để trừ vào số tài sản chung của vợ chồng, do đó xác định tài sản chung của anh chị là 10 chỉ vàng 24k. Anh Đ yêu cầu chia đôi 10 chỉ vàng 24k là phù hợp và có căn cứ được

quy định tại Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử xử chia đôi 10 chỉ vàng 24k, chị S 05 chỉ vàng 24k, anh Đ 05 chỉ vàng 24k. Các bên thống nhất tài sản chung chị S giữ nên buộc chị S có trách nhiệm giao số vàng được chia là 05 chỉ vàng 24k cho anh Đ.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc S và anh Nguyễn Khắc Đ xác định anh chị không có nợ ai và không có ai nợ lại anh chị nên không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc S và bị đơn anh Nguyễn Khắc Đ nộp theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 9; Điều 51, Điều 53, Điều 55 và Điều 59 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc S và anh Nguyễn Khắc Đ.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc S và anh Nguyễn Khắc Đ xác định không có con chung nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chia đôi tài sản chung là 10 chỉ vàng 24k, buộc chị Nguyễn Thị Ngọc S có trách nhiệm giao lại cho anh Nguyễn Khắc Đ 05 chỉ vàng 24k.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc S và anh Nguyễn Khắc Đ xác định anh chị không có nợ ai và không có ai nợ lại anh chị nên không xem xét.

5. Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc S phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng và án phí dân sự là  $[(05 \text{ chỉ vàng } 24k \times 7.620.000 \text{ đồng}) \times 5\%] = 1.905.000 \text{ đồng}$ , tổng án phí phải nộp là 2.205.000 đồng nhưng được trừ vào

tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006580 ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị S phải tiếp tục nộp số tiền án phí còn lại là 1.905.000 đồng (Một triệu chín trăm lẻ năm nghìn đồng).

Buộc bị đơn anh Nguyễn Khắc Đ phải chịu án phí dân sự là  $[(05 \text{ chỉ vàng } 24k \times 7.620.000 \text{ đồng}) \times 5\%] = 1.905.000 \text{ đồng}$  nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 800.000 đồng theo biên lai thu số 0003182 ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, anh Đ phải tiếp tục nộp số tiền án phí còn lại là 1.105.000 đồng (Một triệu một trăm lẻ năm nghìn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu (Đương).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Trần Mộng Thúy**